

PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH,
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: Người

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng cộng	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU NĂM 2025				
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HĐLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ)	Khối đơn vị sự nghiệp			
				Tổng số	HĐLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ	HĐLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục)	HĐLĐ định mức (làm công nuôi)
	TOÀN THÀNH PHỐ	22 838	1 440	21 398	10 478	2 807	8 113
A	Khối Sở, ngành	3 140	867	2 273	2 250	7	16
1	Văn phòng UBND Thành phố	53	52	1	1		
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	17	17				
3	Sở Thông tin và Truyền thông	16	13	3	3		
4	Sở Nội vụ	44	34	10	10		
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	286	186	100	100		
6	Sở Công Thương	28	20	8	8		
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	19	17	2	2		
8	Sở Tài chính	15	12	3	3		
9	Sở Xây dựng	22	22				
10	Sở Giao thông vận tải	300	290	10	10		
11	Sở Khoa học và Công nghệ	27	7	20	20		
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1 119	22	1 097	1 097		
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	559	20	539	523		16
14	Sở Y tế	314	33	281	274	7	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	202	16	186	186		
16	Sở Du lịch	9	9				
17	Sở Tư pháp	18	13	5	5		
18	Sở Ngoại vụ	8	8				
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	17	14	3	3		
20	Sở Quy hoạch kiến trúc	18	15	3	3		
21	Thanh tra Thành phố	10	10				
22	Ban Dân tộc	8	8				
23	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất	11	9	2	2		
24	Ban Quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc	7	7				
25	Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	13	13				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng cộng	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU NĂM 2025				
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HDLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ)	Khối đơn vị sự nghiệp			
				Tổng số	HDLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ	HDLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục)	HDLĐ định mức (làm công nuôi)
B	Khối đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố	132		132	132		
1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	85		85	85		
2	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	12		12	12		
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	4		4	4		
4	Trường Đại học Thủ đô	24		24	24		
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	3		3	3		
6	Trường Cao đẳng Công đồng Hà Nội	4		4	4		
C	Khối UBND quận, huyện, thị xã	19 566	573	18 993	8 096	2 800	8 097
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	331	28	303	193		110
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	527	32	495	270	32	193
3	UBND Quận Ba Đình	378	18	360	214		146
4	UBND Quận Đống Đa	507	28	479	279		200
5	UBND Quận Tây Hồ	284	17	267	115	36	116
6	UBND Quận Thanh Xuân	366	18	348	157		191
7	UBND Quận Cầu Giấy	437	17	420	164	69	187
8	UBND quận Hoàng Mai	499	17	482	244		238
9	UBND Quận Long Biên	819	6	813	285	164	364
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	360	20	340	158		182
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	417	20	397	192		205
12	UBND Quận Hà Đông	775	20	755	272	62	421
13	UBND Huyện Thanh Trì	774	18	756	325	85	346
14	UBND Huyện Gia Lâm	748	23	725	307	128	290
15	UBND Huyện Đông Anh	1 187	12	1 175	342	389	444
16	UBND Huyện Sóc Sơn	974	20	954	446	96	412
17	UBND Huyện Ba Vì	1 063	21	1 042	483	182	377

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng cộng	PHÂN BỐ CHỈ TIÊU NĂM 2025				
			Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HĐLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ)	Khối đơn vị sự nghiệp			
				Tổng số	HĐLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ	HĐLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục)	HĐLĐ định mức (làm công nuôi)
18	UBND Thị xã Sơn Tây	398	23	375	202		173
19	UBND Huyện Thạch Thất	679	12	667	273	135	259
20	UBND Huyện Phúc Thọ	634	14	620	254	114	252
21	UBND Huyện Đan Phượng	468	23	445	189	49	207
22	UBND Huyện Hoài Đức	757	12	745	260	73	412
23	UBND Huyện Quốc Oai	739	24	715	322	116	277
24	UBND Huyện Chương Mỹ	1 005	24	981	374	252	355
25	UBND Huyện Thanh Oai	627	12	615	237	130	248
26	UBND Huyện Thường Tín	801	13	788	302	208	278
27	UBND Huyện Ứng Hòa	691	24	667	313	89	265
28	UBND Huyện Phú Xuyên	765	15	750	296	122	332
29	UBND Huyện Mỹ Đức	817	24	793	379	121	293
30	UBND huyện Mê Linh	739	18	721	249	148	324